

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30/6/2021  
“*V/v tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Minh Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Vũ Thị Thảo**
2. Ông **Nguyễn Huy Lâm**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Khoa là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1971.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú – Địa chỉ: Khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn (bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về phần tài sản chung): Ông Đặng Quốc Anh – Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Quang, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông **Triệu Sỹ T**, sinh năm: 1966.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú – Địa chỉ: Khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của Bị đơn: Ông Nguyễn Công Tá, ông Nguyễn Ngọc Tấn, ông Lê Quang Trực – Luật sư Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Ông Tá vắng mặt tại phiên tòa. Ông Tấn, ông Trực có mặt tại phiên tòa.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quý Đức – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đông Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020, Bản tự khai ngày 30/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1996, bà và ông Triệu Sỹ T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng diễn ra hòa thuận, hạnh phúc mặc dù đôi lúc cũng có va chạm mâu thuẫn nhưng cả hai đều giải quyết được. Tuy nhiên, từ năm 2013 trở đi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ông T có tính gia trưởng, đánh đập bà và các con. Tình trạng này kéo dài, đến năm 2019, bà và con út là Triệu Thị Quốc thuê nhà ở riêng, vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó. Đến nay, bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng ông Tuấn, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Triệu Sỹ T.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà và ông Triệu Sỹ T có 03 con chung là Triệu Sỹ Bình, sinh ngày 04/8/1996; Triệu Thị Liên, sinh ngày 07/7/1998 và Triệu Thị Quốc, sinh ngày 01/11/2006. Hai con chung là Triệu Sỹ Bình và Triệu Thị Liên đã trưởng thành, lập gia đình, nên bà không có yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Con chung Triệu Thị Quốc, từ khi sống ly thân, cháu ở cùng với mẹ, hơn nữa cháu là con gái, nên bà đề nghị được nuôi con chung Triệu Thị Quốc. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng:* Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai, bà Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 17/11/2020, bà H có Đơn sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà, đất tại khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (mảnh đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 889065, cấp ngày 10/10/2006); yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung vợ chồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Đông Quảng Ninh, số tiền nợ là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Sau khi Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H, ngày 14/01/2021, bà H có Đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021 và tại phiên tòa, Bị đơn ông Triệu Sỹ T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nội dung đăng ký kết hôn giữa ông và bà Vũ Thị H như nội dung bà Hợp đã trình bày. Tuy nhiên, theo ông T cuộc sống chung vợ chồng ông và bà H hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày là không đúng. Việc bà H đưa con gái út là Triệu Thị Quốc bỏ nhà đi từ năm 2020, thuê nhà ở riêng, ông không biết nguyên nhân tại

sao. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Hợp, ông không chấp nhận, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

- *Về con chung*: Ông và bà Hợp có 03 con chung như nội dung bà Hợp đã trình bày. Đối với việc nuôi dưỡng con chung Triệu Thị Quốc, nếu ly hôn, ông Tuấn trình bày tùy theo nguyện vọng của cháu Quốc. Hai con chung Triệu Sỹ Bình và Triệu Thị Liên đều đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2021, ông Triệu Sỹ Tuấn trình bày: Vợ chồng ông có tài sản chung là 05 (năm) mảnh đất tại khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái; đồng thời vợ chồng ông có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đông Quảng Ninh 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Ông Tuấn yêu cầu bà Hợp phải về nhà, bàn bạc với ông Tuấn về việc giải quyết tài sản chung và nợ chung vợ chồng, ông mới đồng ý ly hôn. Tại Biên bản làm việc ngày 23/3/2021, mặc dù đã được Tòa án giải thích quyền của ông Tuấn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung vợ chồng, nhưng ông Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Tuấn yêu cầu bà Hợp về nhà để vợ chồng giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng của bà Vũ Thị Hợp, Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tham gia tố tụng. Tại Văn bản số 1190/NHNo.DQN-KTKS, ngày 25/12/2020, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Quảng Ninh đề nghị Tòa án chỉ giải quyết cho vợ chồng bà Vũ Thị Hợp và ông Triệu Sỹ Tuấn ly hôn, sau khi vợ chồng bà Hợp, ông Tuấn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thông báo về việc bà Vũ Thị Hợp rút yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng, Ngân hàng không có ý kiến gì đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay của vợ chồng bà Hợp, ông Tuấn tại Ngân hàng vì khoản vay chưa đến hạn phải trả theo Hợp đồng tín dụng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Triệu Sỹ Tuấn có nộp 02 Bản tự khai của ông Nguyễn Đức Nhiệm (sinh năm 1973, nơi ĐKKHTT: Tô Đàm, An Mỹ, Quỳnh Phụ, Thái Bình) và vợ chồng ông Phạm Văn Hiếu, sinh năm 1963, bà Triệu Thị Lãnh, sinh năm 1969 (đều ĐKKHTT: khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh) có nội dung trình bày về việc bà Hợp vay của ông Nhiệm 37.600.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), vay của ông Hiếu, bà Lãnh 130.600.000đ (một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Tòa án đã thông báo các ông Nhiệm, ông Hiếu, bà Lãnh về nội dung này. Tại Bản tự khai ngày 30/3/2021, ông Nhiệm, ông Hiếu, bà Lãnh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về các khoản nợ trên. Ngoài ra, tại phiên tòa, con chung của bà Vũ Thị Hợp và ông Triệu Sỹ Tuấn, là cháu Triệu Thị Quốc có nội dung trình bày về nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ; mâu thuẫn giữa bố mẹ cháu nhiều lần đánh, chửi mẹ cháu, hơn nữa ông Tuấn còn nhiều lần đánh cháu và chị gái cháu không lý do.

[5] Các tài liệu chứng cứ bà Vũ Thị Hợp đã nộp kèm theo Đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản sao); Sổ hộ khẩu (01 bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (03 bản sao).

Các tài liệu chứng cứ ông Triệu Sỹ Tuấn đã nộp gồm 02 Bản tự khai của ông Nguyễn Đức Nhiệm và vợ chồng ông Phạm Văn Hiều, bà Triệu Thị Lãnh.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: Bản tự khai của Nguyên đơn bà Vũ Thị Hợp; Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của Bị đơn ông Triệu Sỹ Tuấn; Biên bản lấy lời khai của con chung Triệu Thị Quốc; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và các tài liệu do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Quảng Ninh cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự tham gia tố tụng. Việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ của thẩm phán đúng theo quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Tuy nhiên, về việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử: Thẩm phán ra Quyết định xét xử ngày 27/5/2021 nhưng đến ngày 08/6/2021 mới gửi cho Viện kiểm sát là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Đặng Quốc Anh; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Nguyễn Công Tá và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quý Đức – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đông Quảng Ninh vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Hợp đối với ông Triệu Sỹ Tuấn. Về con chung: Giao con chung là Triệu Thị Quốc, sinh ngày 01/11/2006 cho bà Vũ Thị Hợp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai đương sự đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết. Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng của bà Vũ Thị Hợp Tòa án đã thụ lý, bà Hợp đã rút yêu cầu này, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn không yêu cầu giải quyết, do đó căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Vũ Thị Hợp đối với Bị đơn ông Triệu Sỹ Tuấn là tranh chấp về hôn nhân gia đình

được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Triệu Sỹ Tuấn có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Về quyền khởi kiện: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà Vũ Thị Hợp có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Triệu Sỹ Tuấn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị Hợp có yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà, đất tại khu 6, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (mảnh đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 889065, cấp ngày 10/10/2006); yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung vợ chồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Đông Quảng Ninh, số tiền nợ là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Tòa án đã thụ lý để giải quyết phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời đưa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, bà Hợp có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, Tòa án đã không mở phiên hòa giải phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Hợp và ông Triệu Sỹ Tuấn chung sống và đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, tình trạng này diễn ra trong khoảng thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp khắc phục, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Triệu Sỹ Tuấn mặc dù trình bày không muốn vợ chồng ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái, tuy nhiên ông Tuấn yêu cầu bà Vũ Thị Hợp về nhà để giải quyết các vấn đề về tài sản chung và nợ chung, trước khi quyết định việc ly hôn. Căn cứ vào nội dung xác minh tại chính quyền địa phương, thực trạng cuộc sống vợ chồng (hiện đang ly thân), quan điểm của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng bà Vũ Thị Hợp và ông Triệu Sỹ Tuấn không còn hạnh phúc, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, quan điểm của cả hai đều xác định không thể tiếp tục chung sống (mặc dù ông Tuấn trình bày không muốn ly hôn, nhưng yêu cầu bà Hợp về giải quyết về tài sản và nợ thì sẽ giải quyết ly hôn), như vậy hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Hợp.

2.2. Về con chung: Bà Vũ Thị Hợp và ông Triệu Sỹ Tuấn có 03 con chung là Triệu Sỹ Bình, sinh ngày 04/8/1996; Triệu Thị Liên, sinh ngày 07/7/1998 và Triệu Thị Quốc, sinh ngày 01/11/2006. Xét yêu cầu của bà Hợp về việc được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Triệu Thị Quốc, ông Tuấn có nội dung trình bày đồng ý với yêu cầu nuôi con của bà Hợp và nguyện vọng của con chung Triệu Thị Quốc muốn được ở với bà Hợp, do đó Hội đồng xét xử việc việc giao con chung Triệu Thị Quốc cho bà Vũ Thị Hợp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc chăm lo học tập, giáo dục con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà Hợp không yêu cầu ông Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con chung; ông Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó ông Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Hợp.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà Vũ Thị Hợp có yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hợp rút yêu cầu này, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay của vợ chồng bà Hợp, ông Tuấn; ông Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng, do đó căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng của Nguyên đơn bà Vũ Thị Hợp. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng về quyền khởi kiện và tiền tạm ứng án phí được quyết định theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[3] Về án phí:**

Nguyên đơn bà Vũ Thị Hợp phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lý trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 218; khoản 2 Điều 219; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Hợp về các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Hợp được ly hôn ông Triệu Sỹ Tuấn

- Về con chung: Giao con chung là Triệu Thị Quốc, sinh ngày 01/11/2006 cho bà Vũ Thị Hợp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Triệu Sỹ Tuấn có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép cản trở ông Tuấn thực hiện quyền này. Ông Triệu Sỹ Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Vũ Thị Hợp.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng của Nguyên đơn bà Vũ Thị Hợp.

Bà Vũ Thị Hợp có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Trả lại cho bà Vũ Thị Hợp 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000447, ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị Hợp phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000414 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Bà Vũ Thị Hợp đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- Tòa án tỉnh QN;
- UBND xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Minh Chiến**